

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-PT
Ngày 13 - 5- 2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn; Ông Trần Đức Long
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLPT- DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 613/2021/QĐ -PT ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Minh H

Địa chỉ: Số 08 đường N, tổ dân phố k, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Xuân H, Địa chỉ: Số m đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đ; Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Th - Giám đốc Công ty Đ; Địa chỉ: Ký túc xá sinh viên Đ, tổ dân phố m, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH tổng hợp và xây dựng Đ: Ông Lê Vũ Tvà ông Đỗ Đình N - Luật sư Công ty TNHH N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số C, đường V, phường h, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Th; Địa chỉ: Số t, đường N, tổ dân phố s, phường H thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền có ông Phạm Anh T, địa chỉ Số b, ngõ m, đường P, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị L; Địa chỉ: Số h, đường 8B (khu dân cư Đại học B), phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Ông Phạm Xuân T; Địa chỉ: Tổ dân phố m, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Xuân T: Ông Lê Vũ T và ông Đỗ Đình N - Luật sư Công ty TNHH N, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số m, đường V, phường h, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) do ông Phạm Xuân T - giám đốc làm đại diện theo pháp luật và bà Nguyễn Thị L - giám đốc chi nhánh công ty đã vay mượn tiền của ông Đặng Minh H và bà Nguyễn Thị Th nhiều lần để làm ăn. Ngày 31/12/2016, hai bên đã chốt công nợ vay, mượn với số tiền cả gốc và lãi mà phía Công ty Đ phải trả cho ông Đặng Minh H và bà Nguyễn Thị Th là 1.314.738.367 đồng. Hai bên nhất trí sẽ tính lãi vay theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp tại thời điểm đó là 0,85%/tháng, trong đó bên vay cam kết sẽ trả tiền gốc trong năm 2017, riêng tiền lãi bên vay cam kết sẽ trả hàng tháng. Tuy nhiên, kể từ đó đến nay phía Công ty Đ mà cụ thể là ông T, bà L chỉ trả tiền lãi hàng tháng theo cam kết cho ông H, bà Th đến hết tháng 11/2017 và không trả được tiền gốc. Mặc dù ông H, bà Th nhiều lần yêu cầu Công ty Đ, đại diện là ông T, bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi còn lại như đã cam kết nhưng ông T, bà L không thực hiện. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết, buộc Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ là: 1.314.738.367 đồng theo Giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2016.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ đã chuyển trả vào tài khoản của ông H số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 30/12/2018. Hai bên đã xác nhận số tiền này để thanh toán một phần khoản vay mà Công ty Đ đã vay của ông H số tiền 1.314.738.367 đồng, đã được hai bên đối chiếu, xác nhận công nợ vào ngày 31/12/2016. Do đó, ông Đặng Minh H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 500.000.000 đồng trong tổng số tiền 1.549.419.165 đồng trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2020.

Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc còn nợ là: 1.314.738.367 đồng - 500.000.000 đồng = 814.738.367 đồng và rút yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu Công ty Đ trả số tiền gốc còn nợ là 814.738.367 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Đ do ông Hoàng Văn Th, Giám đốc Công ty đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Đ đã thực hiện việc chuyển nhượng, mua bán từ tháng 3/2020, giữ nguyên tên Công ty và thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Văn Th, giám đốc Công ty. Ông Th cho rằng khi thực hiện giao dịch mua bán công ty với ông Phạm Xuân T, bà Nguyễn Thị L

thì ông không biết khoản nợ giữa Công ty Đ (do ông Phạm Xuân T - Giám đốc làm đại diện theo pháp luật) và ông Đặng Minh H đang được Tòa án thụ lý, giải quyết. Cụ thể số tiền nợ bao nhiêu ông cũng không biết và cũng không được ông Phạm Xuân T thông báo. Thực tế trong sổ sách, giấy tờ công nợ tại công ty không thể hiện khoản nợ với ông Đặng Minh H. Sau khi được Tòa án thông báo và triệu tập với tư cách là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Đ thì ông mới biết ông T với tư cách là đại diện theo pháp luật của Công ty Đ có vay mượn ông H số tiền còn lại là 814.738.367 đồng (theo nguyên đơn khởi kiện). Ông Th có trao đổi với ông T - Giám đốc cũ của Công ty Đ thì khoản nợ giữa cá nhân ông Phạm Xuân T và ông Đặng Minh H không liên quan gì đến sổ sách công ty. Hiện nay, trong vụ án Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Đ là bị đơn nhưng nghĩa vụ trả nợ do ông Phạm Xuân T xử lý với ông Đặng Minh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân T trình bày:

Trước năm 2012, Công ty Đ có vay của ông Đặng Minh H và trả một khoản tiền lãi theo thỏa thuận giữa hai bên. Do có sự không rõ ràng trong việc xác định nợ gốc và lãi nên đến ngày 31/07/2012 hai bên cùng nhau ngồi lại và thống nhất lại một khế ước vay mới, nội dung cụ thể: Thời gian vay từ ngày 31 tháng 07 năm 2012.

Số tiền: Gốc: 500.000.000đồng, lãi 2%/tháng. Lãi tháng 06 và tháng 07: 20.000.000 đồng + gốc 500.000.000 đồng = 520.000.000 đồng x 2%

Số tiền: Gốc 300.000.000đồng, lãi 2,5%/tháng. Lãi tháng 06 và tháng 07: 15.000.000đồng + gốc 300.000.000đồng = 315.000.000đồng x 2,5%.

Số tiền: Gốc 50.000.000đồng lãi 4.000đồng/1.000.000 đồng tính từ 01/06/2012.

Thời gian vay đến 30/09/2012 trả hết cả gốc và lãi. Sau một thời gian công ty Đ làm ăn khó khăn nên có thỏa thuận lại giữa hai bên. Tất cả những khế ước vay trước đã tập hợp trong văn bản này (giấy vay tiền ngày 31/7/2012). Vì vậy khế ước cũ không còn hiệu lực. Thỏa thuận mới đã được hai bên nhất trí. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện thì Công ty Đ rơi vào tình cảnh khó khăn nên giữa nguyên đơn và bị đơn có ngồi lại thỏa thuận với nhau và hai bên nhất trí trả nợ gốc và lãi dựa trên lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Sau khi thỏa thuận mới đã được hai bên nhất trí thì Công ty Đ nghiêm túc thực hiện thỏa thuận trả gốc và lãi, cụ thể như sau:

- Ngày 14/8/2015, Công ty Đ trả cho ông Đặng Minh H số tiền là 600.000.000 đồng;

- Ngày 22/01/2016, Công ty Đ trả cho ông H 200.000.000 đồng;

- Ngày 27/01/2017, Công ty Đ trả cho ông H 200.000.000 đồng;

- Ngày 17/5/2017, Công ty Đ trả cho ông H số tiền: 28.000.000 đồng;

- Ngày 03/6/2017, Công ty Đ trả cho ông H số tiền: 7.410.000 đồng;

- Ngày 03/8/2017, Công ty Đ trả cho ông H số tiền: 26.294.760 đồng;

- Ngày 21/11/2017, Công ty Đ trả cho ông H số tiền: 8.000.000 đồng;

- Ngày 11/12/2017, Công ty Đ cho ông H số tiền: 27.000.000 đồng;

Công ty Đ chỉ có vay của ông Đặng Minh H số tiền là 850.000.000 đồng theo giấy vay ngày 31/07/2012. Đến thời điểm ngày 11/12/2017, Công ty Đ đã trả được cho ông H số tiền là: 1.096.705.760 đồng và chỉ còn nợ ông H số tiền là: 340.000.000 đồng.

Về giấy nhận nợ ngày 31/12/2016: Trong quá trình trả nợ gốc và lãi thì tính đến ngày 31/12/2016, Công ty Đ đã thanh toán được gốc và lãi là 800.000.000 đồng, còn thiếu của ông Đặng Minh H số tiền gốc và lãi khoảng 340.000.000 đồng. Tuy nhiên ông H cho rằng con số nợ gốc và lãi lớn hơn nhiều. Lợi dụng lúc ông T đi công tác, ông Đặng Minh H đến chi nhánh công ty Đ ép bà L ký giấy xác nhận nợ. Vì bị ông H bức ép, hơn nữa lo sợ ông H sẽ gây ồn ào và làm mất mặt mình trước toàn thể nhân viên trong Công ty nên bà L tạm thời ký giấy xác nhận nợ ông H cho qua chuyện. Ông Đặng Minh H căn cứ vào Giấy xác nhận nợ lập ngày 31/12/2016 để làm căn cứ buộc Công ty Đ trả nợ gốc và lãi số tiền 1.314.738.367 đồng là không đúng pháp luật, bởi lẽ:

- Thứ nhất, đây là khoản nợ của Công ty Đ với ông Đặng Minh H thì chỉ có ông Phạm Xuân T, chức vụ Giám đốc - Người đại diện pháp luật của Công ty mới có đủ năng lực và thẩm quyền ký giấy xác nhận nợ.

- Thứ hai, tại thời điểm ký giấy xác nhận nợ thì bà L không được Giám đốc ủy quyền, cũng như chưa đối chiếu, rà soát lại sổ sách kế toán, các khoản mà công ty Đ đã thanh toán cho ông Đặng Minh H. Vì vậy, số liệu mà bà L xác nhận nợ chưa phù hợp và chính xác. Tại thời điểm ông H ép bà L ký giấy xác nhận nợ thì Công ty Đ chỉ còn nợ ông H số tiền gốc và lãi khoảng 340.000.000 đồng. Số tiền 1.314.738.367 đồng không hiểu ông H tính bằng cách nào và lấy đâu ra để bắt ép bà L ký nhận. Công ty Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện từ phía nguyên đơn và cho rằng tính đến thời điểm ngày 11/12/2017 Công ty Đ còn nợ ông Đặng Minh H số tiền là 340.000.000 đồng, số nợ còn lại theo yêu cầu của nguyên đơn phía bị đơn không đồng ý.

Tại phiên hòa giải ngày 18/02/2020, ông T Th nhận giấy viết và chữ ký tại giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2016 do bà L viết và ký nhận. Quá trình phía công ty đã trả cho ông H, theo tính toán và các giấy trả nợ thì số nợ tại thời điểm nêu trên khoảng 340 triệu, đã trả 500.000.000 đồng vào ngày 30/10/2018 và xin trả cho nguyên đơn ông H 200.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà thừa nhận mối quan hệ làm ăn kinh doanh vay mượn giữa Công ty Đ với vợ chồng ông H, bà Th đồng thời thừa nhận giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2016 do bà L viết và ký nhận số tiền 1.314.738.367 đồng. Ngày 30/12/2018, Công ty Đ đã chuyển trả cho ông H số tiền 500.000.000 đồng. Bà L nhất trí như lời trình bày của đại diện bị đơn và có nhận nợ nhưng chỉ còn 340.000.000 đồng; còn số nợ do nguyên đơn đưa ra thì không thừa nhận. Giấy nhận nợ là do bà ký và xác nhận nợ cho công ty TNHH XD tổng hợp Đ không phải là cá nhân bà và xác nhận đó để tạm tính cho khoản nợ gốc và lãi về con số cụ thể thì chưa rõ vì bà phải chờ giám đốc về để xác nhận lại. Phía ông H khởi kiện với số tiền như trên, bà không đồng ý. Bà nhất trí như ý kiến của ông T đại diện theo pháp luật của công ty xin trả số tiền là 200.000.000 đồng vì công ty hiện nay đang làm ăn khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đ do vợ chồng ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị L làm chủ sở hữu đã vay mượn tiền của vợ chồng ông bà rất nhiều lần để làm ăn là đúng sự thật. Sau đó vào ngày 31/12/2016, hai bên đã chốt công nợ vay, mượn tiền trước đây với số tiền cả gốc và lãi mà phía Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đ phải trả cho ông bà là 1.314.738.367 đồng. Với số tiền này hai bên nhất trí sẽ tính lãi vay theo lãi suất cho vay cơ bản của Ngân hàng Nông nghiệp tại thời điểm đó là 0,85%/tháng, trong đó bên vay cam kết sẽ trả tiền gốc trong năm 2017, riêng tiền lãi bên vay cam kết sẽ trả hàng tháng.

Tuy nhiên, kể từ đó đến nay phía bị đơn chưa trả cho vợ chồng bà số tiền gốc như hai bên đã thỏa thuận, riêng tiền lãi hàng tháng phía bị đơn có trả đến hết tháng 11/2017 thì không trả nữa, vi phạm nghĩa vụ theo nội dung cam kết. Vì vậy, bà Th đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh H yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc còn nợ là: 1.314.738.367 đồng - 500.000.000 đồng = 814.738.367 đồng và rút yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu Công ty Đ trả số tiền gốc còn nợ là 814.738.367 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 401, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Minh H đối với Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Đ, xử buộc Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Đ phải trả cho ông Đặng Minh H tính đến ngày 11/01/2021 với số tiền gốc 814.738.367 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết ông Đặng Minh H yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đ phải trả số tiền lãi 234.680.798 đồng. Tại phiên tòa ông Đặng Minh H đã rút yêu cầu này, Tòa án không xem xét giải quyết. Đình chỉ giải quyết phần tiền lãi.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 36.442.151 đồng.

Ông Đặng Minh H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Đặng Minh H số tiền tạm ứng án phí 29.241.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0005370 ngày 06/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 25/01/2021 đại diện theo pháp luật của Công ty Đ là ông Hoàng Văn Th - Giám đốc Công ty Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25/01/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm: Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo và cho rằng bà Nguyễn Thị L là Giám đốc chi nhánh công ty TNHH Đ không được ủy quyền để xác nhận nợ của công ty. Ông T không biết giấy nhận nợ này cho đến khi phía nguyên đơn khởi kiện. Số nợ ghi trên giấy nhận nợ ngày 31/12/2016 là không chính xác vì nó không đối chiếu với các sổ sách giấy tờ vay mượn, trả nợ giữa hai bên. Theo mức lãi suất Ngân hàng nông nghiệp cho vay mà hai bên đã thỏa thuận với nhau vào năm 2015 thì số nợ tại thời điểm viết giấy vay nợ chỉ khoảng 340 triệu đồng. Và năm 2018 đã chuyển 500.000.000 triệu đồng thì số tiền trả dư ra khoảng 160 triệu đồng. Sở dĩ phía công ty chuyển thừa là coi như cảm ơn phía anh H đã cho mượn làm ăn kinh doanh thời gian qua. Quá trình hòa giải, phía công ty có trình bày ngoài số tiền đã trả, cho công ty trả thêm 200.000.000 đồng vì muốn chấm dứt việc kiện tụng, không có nghĩa việc thừa nhận nợ. Hiện tại theo các chứng từ của Công ty thì Công ty Đ không còn nợ anh H. Nguyên đơn là Công ty TNHH Đ và bà Nguyễn Thị L là người kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm xử bác yêu cầu của phía nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Ông H) và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị Th) trình bày: Giữa ông H và công ty Đ vay mượn nhiều khoản và giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2016 là chốt tất cả các khoản nợ trước đây, không phải là giấy vay nợ mới. Mặc dù ông T giám đốc không kí vào giấy xác nhận nợ nhưng ông biết việc này và không phản đối và từ sau khi xác nhận nợ thì phía Công ty Đ đã trả lãi hàng tháng đúng với số tiền ghi trên giấy xác nhận nợ. Phía ông H không buộc phải chứng minh con số ghi trên giấy nhận nợ vì đã được phía vay nợ thừa nhận (Vấn đề không phải chứng minh theo quy định của khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự). Những giấy viết tay ông H nhận tiền (bản gốc) phía nguyên đơn xuất trình ở cấp phúc thẩm đã có bản phô tô nộp ở giai đoạn sơ thẩm không liên quan đến giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2016. Nếu muốn thì phía bị đơn có quyền khởi kiện đòi lại số tiền mình đã trả theo các giấy tờ này bằng một vụ kiện khác. Do đó, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Toà án xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn là Công ty TNHH Đ và kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy: Theo các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thì giữa ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị L (Công ty Đ) nhiều lần mượn tiền của anh Đặng Minh H để làm ăn kinh doanh.

Ngày 31/7/2012, hai bên lập giấy mượn tiền chốt các khoản nợ cụ thể như sau:

- Gốc 500.000.000đồng, lãi 2%/tháng. Lãi tháng 06 và tháng 07 là 20.000.000đồng + gốc 500.000.000đồng = 520.000.000đồng x 2%/tháng.
- Gốc 300.000.000đồng, lãi 2,5%/tháng. Lãi tháng 06 và tháng 07 là 15.000.000đồng + gốc 300.000.000đồng = 315.000.000đồng x 2,5%/tháng.
- Gốc 50.000.000đồng, lãi 4.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày.

Thời gian vay đến 30/9/2012 trả hết gốc và lãi. Hai bên thoả thuận thực hiện theo đúng cam kết nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã xuất trình bản gốc giấy nhận tiền của ông Đặng Minh H (giai đoạn sơ thẩm đã cung cấp bản phô tô các giấy tờ này). Theo các chứng cứ được phía bị đơn xuất trình thì trong quá trình vay mượn Công ty Đ đã trả cho ông Đặng Minh H số tiền gốc và lãi như sau:

Ngày 14/8/2015 trả 600.000.000 đồng;

Ngày 22/01/2016: 200.000.000 đồng;

Ngày 27/01/2017: 200.000.000 đồng;

Ngày 17/5/2017: 28.000.000 đồng;

Ngày 03/6/2017: 7.410.000 đồng;

Ngày 03/8/2017: 26.294.760 đồng;

Ngày 21/11/2017: 8.000.000 đồng;

Ngày 11/12/2017: 27.000.000 đồng;

Ngày 30/10/2018 trả 500.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.596.704.760 đồng.

Phía nguyên đơn xuất trình giấy nhận nợ bà Nguyễn Thị L viết ngày 31/12/2016 xác nhận số nợ công ty Đ còn phải trả cho ông Đặng Minh H và bà Nguyễn Thị Th là 1.314.738.367 đồng. Và cũng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định giấy vay nợ ngày

31/12/2016 là chốt các khoản nợ từ trước đến nay ông H cho Công ty Đ mượn, ngoài ra không có khoản nợ nào khác giữa hai bên. Như vậy, theo các chứng cứ mà phía nguyên đơn và bị đơn xuất trình thì tồn tại hai giấy có liên quan đến việc vay mượn: một là giấy vay tiền được lập ngày 31/7/2012 giữa bên vay là ông Phạm Xuân T – Giám đốc Công ty Đ, bà L giám đốc chi nhánh Công ty Đ và bên cho vay là ông Đặng Minh H và thứ hai là giấy xác nhận nợ do bà Nguyễn Thị L viết xác nhận vay của anh Đặng Minh H, và vợ là Nguyễn Thị Th.

Xét giấy xác nhận nợ do bà L viết, ký và lời trình bày của đại diện phía nguyên đơn thì đây là giấy chốt các khoản nợ từ trước đến nay Công ty Đ vay của ông H để làm ăn kinh doanh, không phải là giấy vay nợ mới. Đối với các khoản vay của Công ty Đ thì bà L không có thẩm quyền và cũng không có giấy ủy quyền của Đại diện hợp pháp của Công ty Đ để xác nhận nợ. Việc xác nhận công nợ giữa một bên là Công ty và một bên là cá nhân thì phải được lập bởi Kế toán công ty, xác nhận của giám đốc Công ty trên cơ sở đối chiếu các khoản tiền đã vay, thỏa thuận lãi suất và số tiền đã trả. Cả nguyên đơn và bị đơn đều không chứng minh được con số mà bà L ghi trong giấy xác nhận nợ dựa trên khoản vay nào. Phía đại diện nguyên đơn cho rằng ông T biết giấy xác nhận nợ trên nhưng không phản đối nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc ông T biết nhưng không phản đối. Tại phiên hòa giải ngày 28/02/2020 ông T chỉ xác nhận bà L là người đã viết và kí giấy nhận nợ nhưng không có nội dung nào xác định ông T chấp nhận khoản nợ trên. Trong các biên bản hòa giải ông T đều trình bày tính tại thời điểm ghi giấy nhận nợ 31/12/2016 thì Công ty Đ chỉ còn nợ ông H số tiền 340.000.000 đồng. Vì bà L là người không được Công ty ủy quyền việc xác nhận nợ, ông T là giám đốc không kí vào giấy xác nhận nợ nên không thể viện dẫn khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự để cho rằng đây là sự việc không cần phải chứng minh.

Nội dung trong giấy vay nợ ghi “Tôi Nguyễn Thị L....có vay vợ chồng anh H chị Th số tiền cả gốc và lãi 1.314.738.367 đồng...” nhưng không ghi rõ bao nhiêu gốc, bao nhiêu lãi. Một mặt, đại diện của nguyên đơn cho rằng đây là giấy chốt tất cả các khoản nợ từ trước đến nay nhưng mặt khác, ngày 27/01/2017, ông H viết giấy nhận tiền với nội dung nhận 200.000.000 đồng đã thanh toán hết số tiền 50 triệu gốc và lãi đủ. Đây là khoản tiền được đề cập trong giấy vay tiền ngày 31/7/2012 mà phía bị đơn xuất trình. Tại phiếu chuyển tiền ngày 30/10/2018 do bà L chuyển cho ông H có nội dung chuyển trả tiền theo giấy vay tiền ngày 31/07/2012. Như vậy, lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho rằng giấy xác nhận nợ viết ngày 31/12/2016 chốt các khoản nợ từ trước đến nay là không chính xác và trên thực tế nguyên đơn và bị đơn đều không căn cứ vào giấy này để xác lập các quyền và nghĩa vụ của mình. Việc kháng cáo của bà L và Công ty Đ về số nợ được xác nhận ở giấy ngày 31/12/2016 không chính xác là hoàn toàn có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, phía người có quyền lợi liên quan là bà L có xuất trình các bản phô tô về giấy nhận tiền của ông H nhưng cấp sơ thẩm đã không yêu cầu đương sự xuất trình bản gốc để từ đó xác định khoản tiền phía bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn mà dựa vào giấy xác nhận nợ không rõ ràng để buộc phía

Công ty Đ phải trả nợ cho ông H số tiền ghi trong giấy nhận nợ là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía bị đơn. Như vậy, hợp đồng vay mượn giữa hai bên chỉ có thể là giấy vay tiền được lập ngày 31/7/2012 mà không phải là giấy nhận nợ ngày 31/12/2016. Theo đại diện của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà L.) thì sau khi xác lập giấy vay ngày 31/7/2012, do tình hình làm ăn khó khăn không trả được tiền theo lãi suất thỏa thuận trong giấy vay nên hai bên có trao đổi với nhau để trả lãi theo lãi suất Ngân hàng nông nghiệp. Vì vậy cho đến thời điểm 30/10/2018 thì phía Công ty Đ và bà L. đã trả xong nợ cho ông H. Xét thấy trong giấy vay tiền ngày 31/7/2012 khoản lãi mà hai bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất được pháp luật quy định nên theo hướng dẫn tại Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên lãi nợ quá hạn vượt quá không có hiệu lực. Số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi, số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay. Theo hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết nói trên thì trong trường hợp giấy vay ngày 31/7/2012 lãi suất được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể lãi từ tháng 8/2012 đến 31/12/2016 tính theo BLDS 2005 và từ 01/01/2017 trở về sau được tính theo BLDS năm 2015.

Theo giấy vay ngày 31/7/2012 thì nợ gốc cả ba khoản mà hai bên thỏa thuận tổng cộng là 885 triệu đồng. Theo Điều 476 BLDS năm 2005 thì lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố, cụ thể áp dụng lãi suất 13,5%/năm, tương đương 1,125%/tháng. Từ tháng 8/2012 đến 31/12/2012 lãi 5 tháng được tính: $(885.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng}) \times 5 \text{ tháng} = 49.781.250 \text{ đồng}$.

Lãi năm 2013 + 2014 được tính: $(885.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\%/\text{năm}) \times 2 = 288.731.250 \text{ đồng}$.

Lãi từ 01/01/2015 đến 14/8/2015 (thời gian 7 tháng 14 ngày) được tính: $(885.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng}) \times 7 \text{ tháng} + (885.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng}) \times 14/30 = 74.340.000 \text{ đồng}$.

Tính đến 14/8/2015 nợ gốc: 885.000.000 đồng + nợ lãi: 363.071.250 đồng.

Ngày 14/8/2015 trả 600.000.000 được trừ vào khoản nợ lãi 363.071.250 đồng, còn lại 236.928.750 đồng được trừ vào nợ gốc. Số nợ gốc tại thời điểm 14/8/2015 còn lại: $885.000.000 \text{ đồng} - 236.928.750 \text{ đồng} = 648.071.250 \text{ đồng}$.

Lãi từ 15/8/2015 đến 22/01/2016 (thời gian 5 tháng 7 ngày) được tính: $(648.071.250 \text{ đồng} \times 1,125\%) \times 5 \text{ tháng} + (648.071.250 \text{ đồng} \times 1,125\%) \times 7 \text{ ngày}/30 \text{ ngày} = 38.155.193 \text{ đồng}$.

Ngày 22/01/2016 trả 200.000.000 đồng được trừ vào số lãi 38.155.193 đồng, còn lại: 161.844.807 đồng được trừ vào nợ gốc. Đến thời điểm 22/01/2016 nợ gốc còn lại: 486.227.163 đồng.

Lãi tính từ 23/01/2016 đến 31/12/2016 (thời gian 11 tháng 7 ngày) được tính: $(486.227.163 \text{ đồng} \times 1,125\%/tháng) \times 11 \text{ tháng} + (486.227.163 \text{ đồng} \times 1,125\%/tháng) \times 7\text{ngày}/30 \text{ ngày} = 61.446.957 \text{ đồng}$.

Từ sau 01/01/2017 tính lãi suất theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, cụ thể trên nợ gốc $20\%/năm = 1,67\%/tháng$ và lãi trên nợ lãi chậm trả: $10\%/năm = 0,83\%/tháng$.

Từ 01/01/2017 đến 27/01/2017 (thời gian 27 ngày): Lãi tính trên nợ gốc: $(486.227.163 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng) \times 27 \text{ ngày} / 30 \text{ ngày} = 7.303.994 \text{ đồng}$ và lãi trên khoản nợ lãi 61.446.957 đồng là 459.008 đồng, tổng hai khoản lãi: 7.763.002 đồng. Tiền lãi từ 23/01/2016 đến 27/01/2017 được tính: 61.446.957 đồng + 7.763.002 đồng = 69.209.959 đồng.

Ngày 27/01/2017 trả 200.000.000 đồng trừ vào tiền lãi 69.209.959 đồng, còn lại: 130.790.041 đồng được trừ vào số tiền gốc 486.227.163 đồng. Số tiền gốc còn lại đến ngày 27/01/2017 là 355.437.122 đồng.

Lãi từ 28/01/2017 đến 17/5/2017 (thời gian 3 tháng 19 ngày) được tính: $355.437.122 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng \times 3 \text{ tháng} + (355.437.122 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng) \times 19 \text{ ngày} / 30 \text{ ngày} = 21.566.738 \text{ đồng}$

Ngày 17/5/2017 trả 28.000.000 đồng, trừ lãi 21.566.738 đồng, còn lại 6.433.262 đồng được trừ vào tiền gốc 355.437.122 đồng, tiền gốc tính đến ngày 17/5/2017 là 349.003.860 đồng.

Lãi từ 18/5/2017 đến 03/6/2017 (thời gian 15 ngày) được tính $349.003.860 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng \times 15 \text{ ngày} / 30 \text{ ngày} = 2.914.182 \text{ đồng}$.

Ngày 03/6/2017 trả 7.410.000 đồng, trừ lãi 2.914.182 đồng, còn lại 4.495.818 đồng được trừ vào gốc. Tiền gốc tính đến 03/6/2017 còn 344.508.042 đồng.

Lãi từ 03/6/2017 đến 03/8/2017 (thời gian 2 tháng) được tính $344.508.042 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng \times 2 \text{ tháng} = 11.506.568 \text{ đồng}$. Ngày 03/8/2017 trả 26.294.760 đồng còn 14.788.192 đồng được trừ vào gốc. Nợ gốc đến 03/8/2017 còn: 329.719.850 đồng.

Lãi từ 03/8/2017 đến 21/11/2017 (thời gian 3 tháng 19 ngày) được tính $329.719.850 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng \times 3 \text{ tháng} + (329.719.850 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng) \times 19 \text{ ngày} / 30 \text{ ngày} = 20.006.300 \text{ đồng}$.

Ngày 21/11/2017 trả 8.000.000 đồng trừ vào lãi 20.006.300 đồng còn nợ gốc 329.719.850 đồng và nợ lãi 12.006.300 đồng.

Lãi trên nợ gốc từ 21/11/2017 đến 11/12/2017 (thời gian 20 ngày) được tính: $329.719.850 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng \times 20 \text{ ngày} / 30 \text{ ngày} = 3.670.880 \text{ đồng}$ và lãi trên nợ lãi 12.006.300 đồng $\times 0,83\%/tháng \times 20 \text{ ngày} / 30 \text{ ngày} = 66.434 \text{ đồng}$, tổng hai khoản lãi 3.737.314 đồng.

Ngày 11/12/2017 trả 27.000.000 đồng trừ lãi 3.737.314 đồng còn lại 23.262.686 đồng được trừ vào tiền gốc 329.719.850 đồng, còn lại tiền gốc: 306.457.164 đồng.

Lãi từ 11/12/2017 đến 31/12/2017 (thời gian 20 ngày) được tính $306.457.164 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng \times (20 \text{ ngày} / 30 \text{ ngày}) = 3.670.880 \text{ đồng}$.

Lãi từ ngày 01/01/2017 đến 30/10/2017 (thời gian 10 tháng) nên lãi của nợ gốc: $306.457.164 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 51.178.346 \text{ đồng}$; Lãi của nợ lãi: $3.670.880 \text{ đồng}$, được tính $3.670.880 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 304.683 \text{ đồng}$, cộng lãi gốc và lãi của lãi: $51.178.346 \text{ đồng} + 304.683 \text{ đồng} = 51.483.029 \text{ đồng}$.

Ngày 30/10/2017 chuyển trả 500.000.000 đồng trừ lãi 51.483.029 đồng, còn lại: 448.516.971 đồng được trừ vào số tiền gốc: 306.457.164 đồng còn dư: 142.059.807 đồng. Như vậy, việc bị đơn kháng cáo cho rằng đã trả xong khoản nợ cho ông H theo giấy vay tiền ngày 31/7/2012 theo lãi suất ngân hàng nông nghiệp (hai bên thỏa thuận bằng miệng) và chuyển dư ra 160 triệu đồng là có căn cứ. Đại diện của nguyên đơn không phủ nhận các giấy nhận tiền của ông H do phía bị đơn xuất trình nhưng cho rằng phía bị đơn có thể khởi kiện bằng một vụ án khác để đòi lại số tiền đã giao cho ông H là không có căn cứ vì đây là những chứng cứ phía bị đơn xuất trình để chứng minh nghĩa vụ họ trả xong nợ cần phải được giải quyết, xem xét trong vụ án này mà không thể xem xét để làm căn cứ khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ những nhận định trên, thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH Đ và bà Nguyễn Thị L để sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn ông Đặng Minh H về yêu cầu Công ty TNHH Đ phải trả cho ông khoản tiền theo giấy xác nhận nợ bà L viết ngày 31/12/2016.

Sửa án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm, buộc ông H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên khoản tiền không được Tòa án chấp nhận; Công ty TNHH Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH Đ và bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 473, 474, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 463, 465, 466, 468 BLDS năm 2015, Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-QH14 về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng và tổng hợp Đ và bà Nguyễn Thị L sửa bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh H về việc buộc Công ty TNHH Xây dựng và tổng hợp Đ phải trả cho ông Đặng Minh H số tiền 814.737.367 đồng.

Về án phí: Buộc anh Đặng Minh H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm: 36.442.121 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.241.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005370 ngày 06/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới. Số tiền còn lại ông Đặng Minh H phải nộp tiếp.

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Đ và bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho công ty TNHH và xây dựng tổng hợp

Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0001848 ngày 29/01/2021; Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AA/2020/0001846 ngày 29/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (13/5/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Từ Thị Hải Dương

